

BỘ Y TẾ
VIỆN HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU TW
 Số: 1838/TB-HHTM
 V/v áp dụng giá đơn vị máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2026

THÔNG BÁO

Căn cứ Quyết định số 3010/QĐ-BYT ngày 25 tháng 09 năm 2026 về việc phê duyệt giá cụ thể một đơn vị máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn áp dụng tại Viện Huyết học – Truyền máu TW;

Căn cứ Quyết định số 1908/QĐ-HHTM ngày 28 tháng 09 năm 2026 về việc áp dụng giá các chế phẩm máu có sử dụng dụng cụ, vật tư bổ sung dụng tại Viện Huyết học – Truyền máu TW;

Căn cứ Hợp đồng số 52/HĐKCB-BHYT ký ngày 30/12/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội và Viện Huyết học – Truyền máu TW.

Viện Huyết học – Truyền máu TW xin thông báo:

- Từ 00 giờ 00 phút ngày 29/09/2026, Viện Huyết học – Truyền máu TW sẽ áp dụng mức giá cụ thể một đơn vị máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn theo Quyết định số 3010/QĐ-BYT ngày 25 tháng 09 năm 2026 về việc phê duyệt giá cụ thể một đơn vị máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn áp dụng tại Viện Huyết học – Truyền máu TW; Giá các chế phẩm máu có sử dụng dụng cụ, vật tư bổ sung theo Quyết định số 1908/QĐ-HHTM ngày 28 tháng 09 năm 2026 về việc áp dụng giá các chế phẩm máu có sử dụng dụng cụ, vật tư bổ sung dụng tại Viện Huyết học – Truyền máu TW cho tất cả người bệnh (có thẻ bảo hiểm y tế và không có thẻ bảo hiểm y tế) đến khám, chữa bệnh tại Viện.
- Việc thanh toán chi phí khám chữa bệnh thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế và Hợp đồng số 52/HĐKCB-BHYT;

Yêu cầu các khoa, phòng, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Các khoa/phòng, Trung tâm thuộc Viện.
- Lưu: VT, TCKT.ĐA.10

VIỆN TRƯỞNG
 VIỆN HUYẾT HỌC
 TRUYỀN MÁU
 TRUNG ƯƠNG
 Nguyễn Hà Thanh

Số: 3010 /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá cụ thể một đơn vị máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn áp dụng tại Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 313/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế quy định danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương tại Công văn số 1148/HHTM ngày 03 tháng 7 năm 2026, Công văn số 1691/HHTM ngày 08 tháng 9 năm 2026 và Công văn số 1743/HHTM ngày 15 tháng 9 năm 2026 về phương án giá một đơn vị máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn;

Xét Biên bản họp Hội đồng thẩm định phương án giá số 1589/BB-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2026 và Báo cáo thẩm định số 2173/BC-KHTC ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giá của một đơn vị máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn

1. Phê duyệt giá cụ thể một đơn vị máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn do Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương điều chế và cung cấp tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Mức giá quy định tại khoản 1 Điều này đã bao gồm ba nhóm yếu tố chi phí: chi phí trực tiếp; chi phí nhân công; chi phí quản lý; chưa bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định.

3. Chi phí trực tiếp trong mức giá quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Các khoản chi phí phục vụ cho việc xác định giá một đơn vị máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 15/2023/TT-BYT;

b) Chi phí xét nghiệm kháng thể bất thường là 17.600 đồng/đơn vị đối với các loại máu, chế phẩm máu thuộc trường hợp phải thực hiện xét nghiệm này theo quy định chuyên môn;

c) Chi phí xét nghiệm NAT là 218.400 đồng/đơn vị đối với các loại máu, chế phẩm máu thuộc trường hợp phải thực hiện xét nghiệm này theo quy định chuyên môn.

4. Chi phí nhân công bao gồm tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định; trong đó, chi phí tiền lương theo mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

5. Chi phí quản lý theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 119 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Phạm vi áp dụng và nguyên tắc thanh toán

1. Mức giá tại Quyết định này áp dụng đối với máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn do Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương điều chế, cung cấp trong trường hợp thanh toán từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn quỹ bảo hiểm y tế và nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Đối với trường hợp thanh toán từ nguồn ngoài các nguồn quy định tại khoản 1 Điều này, Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương quyết định mức giá theo thẩm quyền, bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý, có tích lũy, phù hợp với mặt bằng giá thị trường và quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, mức giá tối đa tại Quyết định số 3833/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế không áp dụng đối với Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương.

2. Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương có trách nhiệm:

a) Áp dụng đúng mức giá, phạm vi áp dụng và nguồn thanh toán quy định tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này; thực hiện công khai, niêm yết giá và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về giá;

b) Chỉ thu thêm chi phí vận chuyển, chi phí xét nghiệm hoặc chi phí khác chưa kết cấu trong mức giá ban hành kèm theo Quyết định này khi có cơ sở pháp lý, đáp ứng điều kiện chuyên môn và bảo đảm không trùng lặp chi phí;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp lý, hợp lệ của số liệu, tài liệu trong hồ sơ phương án giá; tổ chức hạch toán, theo dõi đầy đủ doanh thu, chi phí của hoạt động điều chế, cung cấp máu và chế phẩm máu;

d) Rà soát các yếu tố hình thành giá; kịp thời báo cáo, đề xuất Bộ Y tế xem xét điều chỉnh mức giá khi các yếu tố hình thành giá biến động hoặc khi chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm y tế, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Y tế;
- BCD Quốc gia vận động hiến máu tình nguyện;
- BCD vận động hiến máu tình nguyện các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KH-TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Đức Luận

**GIÁ CỦA ĐƠN VỊ MÁU TOÀN PHẦN VÀ CHẾ PHẨM MÁU
ĐẠT TIÊU CHUẨN****1. Các đơn vị máu toàn phần**

STT	Máu toàn phần theo thể tích	Thể tích thực (ml) ($\pm 10\%$)	Mức giá (đồng)
1	Máu toàn phần 30 ml	35	118.000
2	Máu toàn phần 50 ml	55	171.000
3	Máu toàn phần 100 ml	115	317.000
4	Máu toàn phần 150 ml	170	457.000
5	Máu toàn phần 200 ml	225	556.000
6	Máu toàn phần 250 ml	285	941.000
7	Máu toàn phần 350 ml	395	1.079.000
8	Máu toàn phần 450 ml	510	1.199.000

2. Các chế phẩm hồng cầu

STT	Chế phẩm hồng cầu theo thể tích	Thể tích thực (ml) ($\pm 10\%$)	Mức giá (đồng)
1	Khối hồng cầu từ 30 ml máu toàn phần	20	123.000
2	Khối hồng cầu từ 50 ml máu toàn phần	30	176.000
3	Khối hồng cầu từ 100 ml máu toàn phần	70	307.000
4	Khối hồng cầu từ 150 ml máu toàn phần	110	442.000
5	Khối hồng cầu từ 200 ml máu toàn phần	145	572.000

STT	Chế phẩm hồng cầu theo thể tích	Thể tích thực (ml) ($\pm 10\%$)	Mức giá (đồng)
6	Khối hồng cầu từ 250 ml máu toàn phần	180	938.000
7	Khối hồng cầu từ 350 ml máu toàn phần	230	1.068.000
8	Khối hồng cầu từ 450 ml máu toàn phần	280	1.178.000

3. Các chế phẩm huyết tương tươi đông lạnh

STT	Chế phẩm Huyết tương tươi đông lạnh theo thể tích	Thể tích thực (ml) ($\pm 10\%$)	Mức giá (đồng)
1	Huyết tương tươi đông lạnh 30 ml	30	71.000
2	Huyết tương tươi đông lạnh 50 ml	50	104.000
3	Huyết tương tươi đông lạnh 100 ml	100	177.000
4	Huyết tương tươi đông lạnh 150 ml	150	208.000
5	Huyết tương tươi đông lạnh 200 ml	200	322.000
6	Huyết tương tươi đông lạnh 250 ml	250	395.000

4. Các chế phẩm huyết tương đông lạnh

STT	Chế phẩm Huyết tương đông lạnh theo thể tích	Thể tích thực (ml) ($\pm 10\%$)	Mức giá (đồng)
1	Huyết tương đông lạnh 30 ml	30	61.000
2	Huyết tương đông lạnh 50 ml	50	88.000
3	Huyết tương đông lạnh 100 ml	100	140.000
4	Huyết tương đông lạnh 150 ml	150	197.000
5	Huyết tương đông lạnh 200 ml	200	260.000
6	Huyết tương đông lạnh 250 ml	250	312.000

5. Các chế phẩm huyết tương giàu tiểu cầu

STT	Chế phẩm Huyết tương giàu tiểu cầu theo thể tích	Thể tích thực (ml) ($\pm 10\%$)	Mức giá (đồng)
1	Huyết tương giàu tiểu cầu 100 ml từ 250 ml máu toàn phần	100	236.000
2	Huyết tương giàu tiểu cầu 150 ml từ 350 ml máu toàn phần	150	266.000
3	Huyết tương giàu tiểu cầu 200 ml từ 450 ml máu toàn phần	200	297.000

6. Các chế phẩm khối tiểu cầu

STT	Chế phẩm Khối tiểu cầu theo thể tích	Thể tích thực (ml) ($\pm 10\%$)	Mức giá (đồng)
1	Khối tiểu cầu 1 đơn vị (từ 250 ml máu toàn phần)	40	156.000
2	Khối tiểu cầu 2 đơn vị (từ 500 ml máu toàn phần)	80	322.000
3	Khối tiểu cầu 3 đơn vị (từ 750 ml máu toàn phần)	120	494.000
4	Khối tiểu cầu 4 đơn vị (từ 1.000 ml máu toàn phần)	150	619.000

7. Các chế phẩm tủa lạnh

STT	Chế phẩm Tủa lạnh theo thể tích	Thể tích thực (ml) ($\pm 10\%$)	Mức giá (đồng)
1	Tủa lạnh thể tích 10 ml (từ 250 ml máu toàn phần)	10	85.000
2	Tủa lạnh thể tích 50 ml (từ 1.000 ml máu toàn phần)	50	392.000
3	Tủa lạnh thể tích 100 ml (từ 2.000 ml máu toàn phần)	100	702.000

8. Các khối bạch cầu

STT	Chế phẩm Khối bạch cầu theo thể tích	Thể tích thực (ml) ($\pm 10\%$)	Mức giá (đồng)
1	Khối bạch cầu hạt pool (5×10^9 bạch cầu)	125	372.000
2	Khối bạch cầu hạt pool (10×10^9 bạch cầu)	250	744.000

9. Các chế phẩm có sử dụng dụng cụ, vật tư bổ sung

STT	Chế phẩm theo thể tích	Thể tích thực (ml) ($\pm 10\%$)	Mức giá (đồng)
1	Khối tiêu cầu 8 đơn vị (từ 2.000 ml máu toàn phần) (chưa bao gồm túi pool và lọc bạch cầu)	250	1.149.000
2	Tủ lạnh yếu tố VIII bất hoạt virus (chưa bao gồm kit bất hoạt virus)	50	780.000
3	Khối bạch cầu hạt gạn tách (chưa bao gồm bộ dụng cụ gạn tách)	250	1.265.000
4	Khối tiêu cầu gạn tách (chưa bao gồm bộ dụng cụ gạn tách)	250	1.265.000
5	Khối tiêu cầu gạn tách (1/2 đơn vị tiêu cầu A10) (chưa bao gồm bộ dụng cụ gạn tách)	120	687.000
6	Khối tiêu cầu gạn tách (chưa bao gồm bộ dụng cụ gạn tách)	500	1.473.000

Số: 1908/QĐ-HHTM

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc áp dụng giá các chế phẩm máu có sử dụng dụng cụ, vật tư bổ sung tại
Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương

VIỆN TRƯỞNG VIỆN HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/06/2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Quyết định số 31/2004/QĐ-TTg ngày 08/03/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 2556/QĐ-BYT ngày 19/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BYT ngày 20/07/2023 của Bộ Y tế về việc quy định giá tối đa và chi phí phục vụ cho việc xác định giá một đơn vị máu toàn phần, chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/07/2024 của Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá;

Căn cứ Quyết định số 3010/QĐ-BYT ngày 25/09/2026 về việc phê duyệt giá cụ thể một đơn vị máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn áp dụng tại Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1859/QĐ-HHTM ngày 16/12/2025 của Viện trưởng Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu qua mạng gói thầu gói “gói thầu số 2: vật tư y tế theo phần”, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư y tế năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-HHTM ngày 15/01/2026 của Viện trưởng Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói 1: vật tư y tế theo danh mục thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư y tế năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1015/QĐ-HHTM ngày 02/06/2026 của Viện trưởng Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu: Kít gạn tiểu cầu, gồm 03 danh mục thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp kít gạn tiểu cầu năm 2026.

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng giá thanh toán đối với các chế phẩm máu có sử dụng dụng cụ, vật tư bổ sung tại Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương (áp dụng đối với các chế phẩm máu có quy định mức giá chưa bao gồm bộ dụng cụ gạn tách hoặc túi pool và lọc bạch cầu tại Quyết định của Bộ Y tế).

1. Nguyên tắc áp dụng giá thanh toán cho 01 đơn vị chế phẩm máu có sử dụng dụng cụ, vật tư bổ sung bao gồm 02 khoản chi phí cấu thành:

a) Giá chế phẩm máu: Áp dụng theo mức giá quy định tại Quyết định số 3010/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

b) Giá dụng cụ, vật tư bổ sung (Bộ dụng cụ gạn tách/kít gạn tách): áp dụng theo giá trúng thầu thực tế đang có hiệu lực tại Viện.

2. Tổng mức giá thanh toán = (Giá chế phẩm máu theo Quyết định của Bộ Y tế) + (Giá dụng cụ, vật tư bổ sung theo giá trúng thầu).

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Phụ lục danh mục chế phẩm máu có sử dụng bộ dụng cụ gạn tách và các khoản chi phí cấu thành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 09 năm 2026.

2. Quyết định số 1888/QĐ-HHTM ngày 20/12/2024, Quyết định số 252/QĐ-HHTM ngày 12/03/2025, Quyết định số 1858/QĐ-HHTM ngày 14/09/2026 của Viện Trưởng Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản mới làm thay đổi mức giá đơn vị máu toàn phần, chế phẩm máu hoặc các quy định có liên quan đến chi phí bộ dụng cụ gạn tách thì thực hiện theo quy định của văn bản mới kể từ thời điểm văn bản đó có hiệu lực. Viện sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này cho phù hợp.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị thuộc Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT, TTMQG, TCKT, Ba.200.


VIỆN HUYẾT HỌC
TRUYỀN MÁU
TRUNG ƯƠNG
Nguyễn Hà Thanh

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHẾ PHẨM MÁU CÓ SỬ DỤNG BỘ DỤNG CỤ GẠN TÁCH
VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ CẤU THÀNH

(Áp dụng cho đối tượng thanh toán từ ngân sách Nhà nước, nguồn quỹ Bảo hiểm y tế
và nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

(Kèm theo Quyết định số: *1968* /QĐ-HHTM ngày 28 tháng 09 năm 2026 của
Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương)

đvt: đồng

STT	Máu và chế phẩm máu theo thể tích	Thể tích thực ($\pm 10\%$) ml	Văn bản trích dẫn	Tổng số tiền thanh toán	Ghi chú
1	Khối tiểu cầu 8 đơn vị từ 2.000 ml máu toàn phần (đã bao gồm túi pool và lọc bạch cầu)	250		1.489.116	
1.1	Khối tiểu cầu 8 đơn vị từ 2.000 ml máu toàn phần (chưa bao gồm túi pool và lọc bạch cầu)	250	<i>QĐ 3010/QĐ-BYT</i>	1.149.000	
1.2	Bộ kit Pool tiểu cầu và lọc bạch cầu		<i>QĐ 63/QĐ-HHTM</i>	340.116	
2	Khối bạch cầu hạt gạn tách 250ml (đã bao gồm bộ dụng cụ gạn tách)	250		6.765.000	
2.1	khối bạch cầu hạt gạn tách (chưa bao gồm bộ dụng cụ gạn tách)	250	<i>QĐ 3010/QĐ-BYT</i>	1.265.000	
2.2	Kit gạn tiểu cầu, gạn bạch cầu hạt		<i>QĐ 1859/QĐ-HHTM</i>	5.500.000	
3	Khối tiểu cầu gạn tách 120ml (đã bao gồm bộ dụng cụ gạn tách)	120		2.031.000	
3.1	khối tiểu cầu gạn tách (1/2 đơn vị tiểu cầu A10) (chưa bao gồm bộ dụng cụ gạn tách)	120	<i>QĐ 3010/QĐ-BYT</i>	687.000	
3.2	Kit thu nhận tiểu cầu túi đơn (loại 120ml)		<i>QĐ 1015/QĐ-HHTM</i>	1.344.000	
4	Khối tiểu cầu gạn tách 250ml (đã bao gồm bộ dụng cụ gạn tách)	250		3.953.000	
4.1	khối tiểu cầu gạn tách (chưa bao gồm bộ dụng cụ gạn tách)	250	<i>QĐ 3010/QĐ-BYT</i>	1.265.000	

STT	Máu và chế phẩm máu theo thể tích	Thể tích thực ($\pm 10\%$) ml	Văn bản trích dẫn	Tổng số tiền thanh toán	Ghi chú
4.2	Kít thu nhận tiểu cầu túi đơn (loại 250ml)		<u>QĐ 1015/QĐ-HHTM</u>	2.688.000	

Ghi Chú:

- Các khoản mục : 1.2, 2.2, 3.2 và 4.2 có thể thay đổi về giá khi Viện có kết quả thầu vật tư mới và được thay thế bằng phụ lục bổ sung.
- Chi phí vận chuyển máu và chế phẩm máu được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 3 Thông tư số 15/2023/TT-BYT, với mức 17.000 đồng/01 đơn vị máu hoặc chế phẩm máu.

